TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - VĨNH LONG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 15/2026/QĐST – HNGĐ	V*, ngày 25 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - VĨNH LONG

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 235/2026/TLST – VDS, ngày 12 tháng 5 năm 2026, về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Anh Trần Duy T, sinh năm 1990. Địa chỉ cư trú: ấp L, xã C, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Chị Bùi Thị Ngọc T1, sinh năm 1996. Địa chỉ cư trú: ấp L, xã C, tỉnh Vĩnh Long.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long, các đương sự đã thống nhất thuận tình ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con, chia tài sản khi ly hôn.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Anh Trần Duy T và chị Bùi Thị Ngọc T1 thuận tình ly hôn.

- Con chung: Trần Hạo T2, sinh ngày 14/5/2019. Khi ly hôn, chị Bùi Thị Ngọc T1 trực tiếp nuôi con. Ghi nhận chị Bùi Thị Ngọc T1 không yêu cầu anh Trần Duy T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung chưa thành niên theo quy định tại Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Tài sản chung của vợ chồng: Anh Trần Duy T và chị Bùi Thị Ngọc T1 trình bày không có, không giải quyết.

- Nợ chung của vợ chồng: Anh Trần Duy T và chị Bùi Thị Ngọc T1 trình bày không có, không giải quyết.

2. Về lệ phí Toà án: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) do anh Trần Duy T và chị Bùi Thị Ngọc T1 cùng chịu nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008763, ngày 11/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 6 - Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 6 - Vĩnh Long;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đỗ Thúy Hằng